

Bản án số: **392/2019/DS-ST**

Ngày: 07/11/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lộc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phương Khanh
2. Ông Châu Vũ Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa:
Không tham gia

Ngày 07 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2019/TLST - DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2019/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện X, tỉnh Tiền Giang;

2. *Bị đơn:* Chị H1, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp L, xã S, huyện X, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Chị L, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện X, tỉnh Tiền Giang

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị X, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện X, tỉnh Tiền Giang

4. *Người làm chứng:* Anh P, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện X, tỉnh Tiền Giang

Chị H, chị L có mặt;

Chị X vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị H trình bày:

Ngày 10/4/2019 chị có cho chị H1 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng đến ngày 10/7/2019. Lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Mục đích chị H1 vay tiền là để lấy vốn làm ăn (mua bán bảo hiểm, bán hàng trên mạng). Khi vay thì chị H1 có viết “*Giấy mượn tiền*” cho chị và có ký tên. Chị H1 có đưa cho chị giữ 01 giấy chứng minh nhân dân bản photo, 01 sổ hộ khẩu bản photo và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số 63B4-603.47 bản chính cấp cho chị H1. Sau khi vay thì chị H1 có trả được 02 tháng tiền lãi là 4.000.000 đồng sau đó ngưng không đóng lãi nữa.

Từ ngày 11/7/2019 đến nay chị đã nhiều lần liên hệ với chị H1 để đòi khoản nợ trên nhưng chị H1 đều hứa nhưng không thực hiện, sau đó nại lý do là do chị X vay số tiền này trong khi việc vay tiền giữa chị và chị H1 không có liên quan gì đến chị X.

Nay chị yêu cầu chị H1 trả cho chị số tiền vốn là 40.000.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 23 tháng 8 năm 2019 của chị H1 và quá trình giải quyết vụ án chị L là người đại diện của bị đơn trình bày:*

Chị H1 thừa nhận tờ “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/4/2019 là do chị H1 viết và ký tên nhưng nội dung tên người cho vay “H” và “03 tháng (10/4 – 10/7/2019)” không phải do chị H1 viết. Chị H1 có nhờ chị X đi vay tiền dùm cho chị H1 nên để trống nội dung người cho vay. Chị X không có đưa tiền cho chị H1.

Đối với giấy tờ xe và giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu do chị H đang giữ của chị H1 là do chị H1 vay khoản tiền của anh P và đưa cho anh P giữ nhưng khi chị H1 trả tiền xong thì anh P không trả lại giấy tờ xe và nói do còn nợ khoản tiền của chị H nên anh P giữ lại.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của chị H thì chị H1 không đồng ý trả.

- Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị X biết để tham gia phiên tòa theo quy định nhưng chị X vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị X đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị X là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Chị H yêu cầu chị H1 trả số tiền vay còn nợ, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã S, huyện X, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị H khởi kiện yêu cầu Hằng trả số tiền nợ vay là 40.000.000 đồng. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của chị H là tờ “Giấy mượn tiền” được chị H cung cấp. Chị H1 không đồng ý trả do không có vay tiền của chị H.

Xét thấy: Căn cứ vào tờ “*Giấy mượn tiền*” ngày 10/4/2019 có nội dung: “*Tôi tên: H1 tôi có mượn số tiền 40.000.000đ của chị H 1986 thời hạn 3 tháng (10/4 – 10/7/2019). Nếu đến hạn mà tôi chưa trả số tiền trên.....*”. Chị H1 thừa nhận chữ viết, chữ ký trong hợp đồng là của mình nhưng lại khai rằng không có việc vay tiền của chị H, không biết chị H là ai và cho rằng hợp đồng vay tiền trên là do chị H1 viết sẵn để trông nội dung tên người cho vay và thời hạn vay để nhờ chị X vay dùm. Chị H1 không biết chị X có vay tiền hay không và không giao tiền lại cho chị. Chị H1 không có nhận tiền từ chị H. Lời trình bày trên của chị H1 là không có căn cứ. Chị H1 viết biên nhận sẵn và nhờ chị X đi vay tiền dùm là thể hiện ý chí xác lập hợp đồng vay tiền của chị H1, tuy nhiên khi chị X không giao tiền vay lại cho chị H1 thì chị H1 cũng không đòi lại biên nhận và cũng không trình báo với cơ quan chức năng để làm căn cứ loại trừ nghĩa vụ. Chị H1 cũng không có chứng cứ chứng minh là nhờ chị X vay tiền dùm trong khi nội dung tờ “*Giấy mượn tiền*” không có thể hiện có sự tham gia của chị X mà chị H1 là người vay tiền và ký tên. Nội dung “*Giấy mượn tiền*” cũng thể hiện chị H1 đã có vay tiền của chị H, nên không cần thiết phải thể hiện bằng một biên nhận nhận tiền riêng như yêu cầu của phía chị H1. Lời trình bày của chị H1 cũng không được chị H thừa nhận. Đã có đủ cơ sở để xác định giữa chị H và chị H1 đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Đến hạn nhưng chị H1 vẫn chưa trả nợ cho chị H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với số tiền lãi mà chị H trình bày đã nhận của chị H1 là 4.000.000 đồng tương đương 02 tháng tiền lãi, chị H đồng ý trừ vào số tiền vốn nếu tiền lãi vượt quá quy định pháp luật. Xét thấy: Căn cứ nội dung “*Giấy mượn tiền*” không thể hiện lãi suất hai bên thỏa thuận khi vay. Chị H thừa nhận khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng là cao hơn mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Do đó mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá được trừ vào số tiền nợ gốc. Số tiền lãi mà chị H1 trả cho chị H theo quy định là $20\%/năm \times 3 \text{ tháng} \times 40.000.000 \text{ đồng} = 2.000.000 \text{ đồng}$. Chị H không yêu cầu tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trên số tiền nợ quá hạn theo mức lãi suất nợ quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên lời thừa nhận của chị H không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H1, do đó số tiền chị H1 đã trả cho chị H vượt quá là 2.000.000 đồng được trừ vào số tiền vốn.

Do đó, Hội đồng xét xử buộc chị H1 có trách nhiệm trả cho chị H số tiền vay còn nợ là 38.000.000 đồng.

[2.3] Đối với yêu cầu đưa anh P tham gia tố tụng, người đại diện ủy quyền của chị H1 cung cấp đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị H1 với anh P và cho rằng anh P thừa nhận chị H không cho chị H1 vay mà là cho chị X vay tiền.

Xét thấy: Giao dịch vay tiền được xác lập giữa chị H và chị H1, không có sự tham gia của anh P. Tại bản tự khai ngày 08/9/2019 và ngày 07/10/2019 thì anh P xác định khoản tiền vay là tài sản riêng của chị H, khi chị H cho chị H1 vay tiền thì anh không biết, đến khi chị H1 không trả thì anh mới đi đòi thay cho chị H. Nội dung đoạn ghi âm cũng không có thể hiện anh P thừa nhận như chị H1 trình bày. Mặc khác, lời thừa nhận của anh P cũng không là căn cứ để loại trừ nghĩa vụ trả nợ của chị H1 đối với chị H do anh P không có tham gia giao dịch vay tiền giữa chị H và chị H1 và tài sản vay cũng không thuộc quyền sở hữu của anh P. Do đó, việc giải quyết vụ án không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của anh P nên Hội đồng xét xử chỉ đưa anh P tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng.

[2.4] Đối với yêu cầu của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu dẫn giải chị X đến phiên tòa và chuyển hồ sơ vụ án sang Cơ quan cảnh sát điều tra để điều tra khởi tố vụ án do có dấu hiệu tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng hợp lệ đối với chị X tại nơi cư trú của chị X tại ấp M, xã Đ, huyện X nhưng chị X vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị X là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Phía chị H1 khai viết biên nhận sẵn đưa chị X đi vay tiền nhưng chị X không giao lại tiền cho chị H1, như nhận định của Hội đồng xét xử tại mục [2.1], không có chứng cứ chứng minh có sự tham gia của chị X trong giao dịch vay tiền giữa chị H và chị H1 nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo pháp luật tố tụng dân sự. Phía chị H1 cho rằng hành vi của chị X có dấu hiệu phạm tội thì có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan cảnh sát điều tra giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

[2.5] Đối với giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số đăng ký 63B4-603.47 tên chủ xe H1 do chị H đang giữ bản chính. Xét thấy chị H tự nguyện trả giấy tờ lại cho chị H1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H. Buộc chị H1 trả cho chị H số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị H cho đến khi thi hành án xong, chị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị H tự nguyện trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số đăng ký 63B4-603.47 tên chủ xe H1 cho chị H1.

2. Về án phí:

Chị H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.900.000 đồng

Chị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 2841 ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Cơ quan thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS;
- Lưu.

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Vĩnh Lộc